

Bản án số: **91/2023/DS-PT**

Ngày: 25/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Các Thẩm phán: - ông **Nguyễn Tấn Trường.**

- ông **Trương Công Thi.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn;** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà **Bùi Thị Dung,** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/TBTL-TA ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-PT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 1128/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị N;** địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Trần Thị Hoàng M;** địa chỉ: Khu phố 1, Phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2022); vắng mặt.

- Bị đơn: ông **Phan A** và bà **Hồ Thị X;** địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Linh T1;** địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 9, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành C2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C1 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 14/UQ-UBND ngày 16/6/2022 và số 20/UQ-UBND ngày 23/8/2022); có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Phan Thị L1; địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: Khu phố 1, Phường Y1, thành phố Đ., tỉnh Quảng Trị; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2022); vắng mặt.

3. Anh Phan Ng; địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4. Chị Phan Minh Đ1; địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện cho chị Phan Minh Đ1: bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

5. Ông Nguyễn Trần H2; địa chỉ: thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Chồng bà N là ông Phan Ngọc R (chết năm 2018), có bố là ông Phan Q1 (chết năm 2005), mẹ là bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 2004). Những năm 1980 trở về trước, ông Phan Q1 và bà Nguyễn Thị T2 khai hoang và sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5 khoảng hơn 1.000m² để trồng màu tại thôn B, xã C, huyện C1. Năm 1982 ông bà chia cho vợ chồng bà N $\frac{1}{2}$ thửa đất, diện tích hơn 500m². Vợ chồng bà N đã làm nhà ở để sinh sống, đến năm 1990 nhà tranh bị hư hỏng nên làm lại nhà lợp ngói trên nền nhà cũ.

Năm 1983, anh trai chồng bà N là ông Phan A cưới vợ nên được bố mẹ cho $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5 nói trên. Năm 1984, vợ chồng ông Phan A mới làm nhà trên đất. Ranh giới đất vợ chồng bà N với vợ chồng ông A là 01 đường thẳng tính từ cái giếng đi ra mặt đường.

Năm 1995, vợ chồng bà N về tạm trú tại Đ và lên về trồng hoa màu trên đất. Do nhà bố mẹ chồng xuống cấp nên vợ chồng tháo dỡ về làm lại nhà cho bố mẹ chồng. Thời điểm này ông Phan A mượn đất trồng màu và hứa khi nào vợ chồng bà N làm nhà thì trả lại.

Sau khi chồng bà N mất một thời gian, bà N được biết ông Phan A bán diện tích đất đó cho người khác. Qua tìm hiểu bà N được biết, năm 1998 vợ chồng ông Phan A đã tự ý đăng ký cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5 trong đó có $\frac{1}{2}$ diện tích đất của vợ chồng bà N và được UBND huyện C1 cấp giấy CNQSDĐ số N 094543 ngày 16/7/1998 trong khi vợ chồng bà N và anh em trong gia đình không ai biết.

Ngày 12/4/2018, UBND huyện C1 đã cấp đổi giấy CNQSDĐ cho gia đình ông Phan A quyền sở hữu nhà và tài sản khác có trên đất gắn liền với đất số CĐ 516590, diện tích 1.273m², thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30. Nhận thấy việc vợ chồng ông Phan A và bà Hồ Thị X được cấp giấy CNQSDĐ đã xâm phạm đến quyền, lợi ích của gia đình nên bà N yêu cầu UBND xã C hòa giải nhưng không thành. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Phan A và bà Hồ Thị X trả lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 636,5m² tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30 cho gia đình bà N với kích thước: Phía Bắc giáp đất ông Phan A dài 35m, phía Nam giáp đường dài 37,83m, phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Tường dài 15,5m, phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Minh Đức dài 15m.

+ Hủy giấy CNQSDĐ số CĐ 516590 do UBND huyện C1 cấp ngày 12/4/2018, tên người sử dụng ông Phan A và bà Hồ Thị X, diện tích 1.273m², thửa 103, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị.

+ Hủy giấy CNQSDĐ số N 094543 do UBND huyện C1 cấp ngày 16/7/1998, tên người sử dụng đất: hộ ông Phan A.

- *Tại đơn trình bày ý kiến ngày 02/6/2022 bị đơn ông Phan A và bà Hồ Thị X trình bày:*

Đất gia đình ông Phan A được cấp không phải đất thừa kế. Đất ông Phan A độc lập với đất hộ ông Phan Q1 (bố ông Phan A). Hộ ông Phan A ở xóm trong, hộ ông Phan Q1 ở xóm ngoài. Sau khi ông Phan Q1 và bà Nguyễn Thị T2 mất thì đất và nhà ông Phan Q1 vẫn còn nguyên vẹn. Sổ đỏ ông Phan Q1 được cấp năm 1991, tờ bản đồ số 5, thửa 837, hiện thẻ đỏ đang do ông Phan Thanh Đang giữ. Sổ đỏ cấp lần 2 mang tên bà Táo, tờ bản đồ số 30, thửa 267. Khi mẹ ông Phan A mất thì anh em xảy ra xung đột, chia làm 02 phe, riêng ông Phan A một phe. Hiện tại đất bố mẹ ông A đang do bà N sử dụng trồng hoa màu, nhà bố mẹ ông A vẫn còn nguyên trạng. Việc tổ chức họp gia đình của các anh, chị em không có mặt ông Phan A là không đúng vì có liên quan đến quyền lợi ông Phan A, những người ký trong giấy thiếu tính pháp lý, không có quyền chia đất của ông Phan A. Việc bà N có ở trên đất từ năm 1984 đến năm 1992 không có nghĩa ông Phan A phải chia đất cho bà N. Việc cấp đất là theo quy định của cơ quan có thẩm quyền gia đình không tự ý làm được sổ đỏ. Gia đình ở địa phương từ

năm 1983 cho đến nay và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài và hợp pháp. Thửa đất ông Phan A là thửa số 103, tờ bản đồ số 30, được UBND huyện C1 cấp giấy CNQSDĐ số CH 00786 ngày 12/4/2018. Đất này được cấp 03 lần, lần 1 năm 1991, lần 2 năm 1998. Trong quá trình sử dụng có biến động do ông Nguyễn Trần H2 là cậu ông Phan A ngoài Bắc vào xin đất làm nhà thờ. Việc bà N khởi kiện ảnh hưởng đến gia đình ông Phan A, do đó ông Phan A đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Trình bày ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ý kiến của UBND huyện C1 tại phiên hòa giải ngày 04/8/2022:

Việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Phan A và bà Hồ Thị X đảm bảo đúng trình tự pháp luật. Diện tích các lần cấp giấy CNQSDĐ có thay đổi là do trước đây đo vẽ bằng tay, sau này đo vẽ bằng máy, các hộ dân có khai hoang thêm nên diện tích thường tăng thêm. Theo quy định của Luật đất đai năm 2003 khi Nhà nước giao đất cho các tổ chức, cá nhân là hợp pháp; trong khi các cá nhân đòi lại đất không có giấy tờ chứng minh việc tặng cho, thừa kế thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ. Vì vậy, UBND huyện C1 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho bị đơn.

+ Ý kiến của anh Phan Ng tại đơn trình bày ý kiến ngày 15/6/2022: Việc tranh chấp đất đai giữa bà N (mẹ) và ông Phan A và bà Hồ Thị X thì không có ý kiến. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, đề nghị Tòa án cho anh Ngọc được vắng mặt.

+ Ý kiến ông Nguyễn Trần H2 tại đơn trình bày ý kiến ngày 05/9/2022: Đất ông H2 làm nhà thờ là một phần đất của ông Phan A trước đây (1983 - 1995). Ông H2 làm nhà thờ trên phần đất là do ông hoán đổi vị trí miếng đất phía Đông nhà ông Phan A ở (trước đây ông Phan Ngọc R có ở một thời gian). Miếng đất này ông H2 đã xin UBND cấp làm nhà thờ, sau đó ông H2 đổi cho ông Phan A để lấy miếng đất phía Tây của ông Phan A để làm nhà thờ. Phần đất ông H2 xin xã cấp làm nhà thờ không phải là đất thừa kế của ông Phan R mà là đất của gia đình ông H2 trước đây.

*** Kết quả xem xét, thẩm định và định giá:** Trên cơ sở kết quả thẩm định tại chỗ ngày 22/6/2022 và ngày 11/8/2022, kết quả định giá tài sản ngày 11/8/2022 và sơ đồ thửa đất tranh chấp ngày 11/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C1 cho thấy: Diện tích đất bà N tranh chấp với ông Phan A và bà Hồ Thị X có diện tích 601m², tại thôn B, xã C, huyện C1, có vị trí: Phía Bắc giáp nhà và đất của ông Phan A, bà Hồ Thị X; phía Nam giáp đường khu vực; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Tường; phía Tây giáp đất sử dụng

làm đường vào nhà ông Phan A; trên diện tích đất đang tranh chấp có một cái chái trị giá 7.144.000đ; 01 cái giếng nước trị giá 7.152.000đ; 01 bể nước, trị giá 1.041.600đ; 01 nhà tắm, trị giá 505.000đ; 01 cây đào, trị giá 333.000đ; 02 cây dừa, trị giá 1.300.000đ; 03 cây mít, trị giá 1.134.000đ; 01 cây bưởi, trị giá 440.000đ; khoảng 40 cây chuối, trị giá 1.520.000đ; đất ở 100m², trị giá 8.000.000đ; đất vườn 501m², trị giá 12.274.500đ.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1, 2 Điều 34; Điều 37; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 24, Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 50; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 59, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Phan A và bà Hồ Thị X phải tháo dỡ tài sản trả lại diện tích 601m² đất, tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30, tại thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 516590 ngày 12/4/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Phan A và bà Hồ Thị X.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc hủy giấy CNQSDĐ số CĐ 516590 ngày 12/4/2018 do UBND huyện C1 cấp cho ông Phan A và bà Hồ Thị X và giấy CNQSDĐ số N 094543 do UBND huyện C1 cấp ngày 16/7/1998, mang tên hộ ông Phan A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/10/2022, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi là Nguyên đơn) kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả lại cho Nguyên đơn diện tích đất 601m² trong đó có 100m² đất ở tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30 và hủy Giấy CNQSDĐ số CĐ 516590 do UBND huyện C1 cấp ngày 12/4/2018, tên người sử dụng ông Phan A và bà Hồ Thị X, diện tích 1.273m², thửa 103, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi lại diện tích đất 601m² trong đó có 100m² đất ở; Bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Nguyên đơn và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải trả lại diện tích đất 601m² trong đó có 100m² đất ở tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30 và hủy Giấy CNQSDĐ số CD 516590 do UBND huyện C1 cấp ngày 12/4/2018, tên người sử dụng ông Phan A và bà Hồ Thị X, diện tích 1.273m², thửa 103, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị thì thấy:

[1.1]. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 24/01/1991, ông Phan Kim Ánh (Phan A) được UBND huyện C1 cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 760m², tại xã C, đối với thửa đất số 771, tờ bản đồ số 5, trong đó có 300m² đất ở và 360m² đất sản xuất nông nghiệp; ngày 16/7/1998, hộ ông Phan A được UBND huyện C1 cấp giấy CNQSDĐ với diện tích 734m² tại xã C, huyện C1, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5, trong đó có 200m² đất ở và 534m² đất vườn; ngày 12/4/2018, hộ ông Phan A và bà Hồ Thị X được UBND huyện C1 cấp giấy CNQSDĐ số CD 516590 với diện tích 1.273m², tại thôn B, xã C, huyện C1, đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30. Cả 03 lần hộ ông Phan A được cấp Giấy CNQSDĐ đều trên một vị trí thửa đất tại thôn B, xã C, huyện C1 hiện nay. Diện tích tăng thêm là do hoán đổi diện tích đất với ông Trần H2 cụ thể như sau: Tại đơn xin đất làm nhà thờ phái của ông Nguyễn Trần H2 (là em trai của cụ Nguyễn Thị T2, mẹ chồng bà N) ngày 10/10/1995, ông H2 viết đơn về việc ông xin được cấp diện tích đất trước đây ông Phan R (chồng bà N) đã làm nhà trên đất đó và đã chuyển về Đ từ năm 1991 có diện tích 792m², ông H2 đã liên hệ mua lại số hoa màu mà ông R đã gieo trồng trên đất. Đơn xin đất của ông Nguyễn Trần H2 có xác nhận của UBND xã C ngày 13/10/1995, có sơ đồ kèm theo. Căn cứ sơ đồ ông Nguyễn Trần H2 xin giao đất thì diện tích đất ông H2 xin là thửa đất vợ chồng bà N trước đây đã làm nhà ở, nhưng sau đó không sử

dụng. Sau khi xin đất được UBND xã đồng ý, tuy nhiên diện tích đất được giao gia đình bà N sử dụng làm nhà ở trước đó, do tâm linh nên ông H2 đã thỏa thuận chuyển đổi lại cho ông Phan A để ông H2 nhận phần đất phía Tây của ông Phan A để làm nhà thờ còn ông Phan A nhận phần diện tích đất phía Đông mà ông Trần H2 đã được UBND xã C giao.

[1.2]. Bà N cho rằng, từ năm 1980 thửa đất đang tranh chấp là do ông Phan Q1 và bà Nguyễn Thị T2 (là bố mẹ chồng của bà là ông Phan Ngọc R) khai hoang. Năm 1982, bố mẹ chồng cho vợ chồng bà N $\frac{1}{2}$ tương đương khoảng hơn 500m², đến năm 1983 cho ông Phan A $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại. Ông Phan A thừa nhận gia đình bà N ở trên đất từ năm 1982, tuy nhiên đến năm 1992 gia đình bà N chuyển về Đ sinh sống không sử dụng diện tích đất này, nên UBND xã C đã giao cho ông Trần H2, ông Trần H2 chuyển đổi lại cho ông Phan A, gia đình bà N có sử dụng diện tích đất này một thời gian nhưng bà N không có một giấy tờ gì về quyền sử dụng đất và cũng không có văn bản hoặc thỏa thuận nào về việc ông Phan Q1 và bà Nguyễn Thị T2 tặng cho quyền sử dụng đất này; không có Văn bản về việc ông Phan A mượn đất của bà để sử dụng, khi còn sống, ông Phan Ngọc R cũng không đề cập gì đến diện tích đất nói trên.

[1.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 thì người sử dụng đất phải sử dụng ổn định, được UBND cấp xã xác nhận và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy CNQSDĐ; người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 51 Luật đất đai năm 2013 thì được xét cấp giấy CNQSDĐ. Bà N không kê khai, không đứng tên trong sổ địa chính, không thực hiện quyền quản lý, sử dụng của chủ sử dụng đất. Trong khi đó ông Phan A và bà Hồ Thị X sử dụng đất ổn định, kê khai qua các lần được cấp Giấy CNQSDĐ. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Phan A và bà Hồ Thị X phải tháo dỡ tài sản trả lại diện tích 601m² đất và hủy Giấy CNQSDĐ do UBND huyện C1 cấp cho hộ ông Phan A là có căn cứ.

[2]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ. Sau khi án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng: khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 24, Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 50; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 59, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013,

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Phan A và bà Hồ Thị X phải tháo dỡ tài sản trả lại diện tích 601m² đất, tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 30, tại thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Quảng Trị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 516590 ngày 12/4/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Phan A và bà Hồ Thị X.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc hủy Giấy CNQSDĐ số CĐ 516590 ngày 12/4/2018 do UBND huyện C1 cấp cho ông Phan A và bà Hồ Thị X và giấy CNQSDĐ số N 094543 do UBND huyện C1 cấp ngày 16/7/1998, mang tên hộ ông Phan A.

2. Án phí phúc thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000180 ngày 26/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị .

3. Các quyết định về: án phí sơ thẩm; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến

